SAO Y; Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông; Thời gian ký: 21/02/2023 07:46:18 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08 /2023/QĐ-UBND	*Đắk Nông, ngày 21 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 160/TTr-STC ngày 30 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 3 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao thông vận tải, Lao động Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chánh Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng Nông thôn mới; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - TBXH, NNPTNT, Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực các huyện ủy, thành ủy;
- BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Đài PTTH tỉnh; Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT. 2

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Chiến

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Kèm theo Quyết định số 08 /2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Về thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công hoàn thành của các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (trong đó có các dự án có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thực hiện theo cơ chế đặc thù) thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đối với các công trình áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, thanh toán vốn

1. Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả đúng quy định về quản lý đầu tư công và ngân

sách nhà nước của pháp luật hiện hành và quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

2. Các dự án giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện xây dựng công trình được chủ đầu tư (Ban quản lý xã) tạm ứng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư (Ban phát triển thôn) và không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng vốn. Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng dự án.

3. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng, việc thanh toán căn cứ vào hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Các bên thỏa thuận trong hợp đồng về số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành.

Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng, việc thanh toán căn cứ bảng xác định giá trị công việc hoàn thành. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán chi phí thực hiện công việc được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc.

4. Cơ quan kiểm soát, thanh toán có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho dự án khi có đủ điều kiện thanh toán, đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

Điều 4. Hồ sơ pháp lý của dự án

Chủ đầu tư gửi hồ sơ, tài liệu sau đây đến Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán (gửi lần đầu khi giao dịch với cơ quan kiểm soát, thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh), các tài liệu này là bản chính hoặc sao y bản chính của chủ đầu tư, bao gồm:

1. Kế hoạch đầu tư công hằng năm được cấp có thẩm quyền giao.

2. Quyết định phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo dự toán xây dựng công trình hoặc Bảng kê các chi phí đầu tư xây dựng.

3. Hợp đồng thực hiện công trình được ký kết giữa Ban quản lý xã và Ban phát triển thôn (áp dụng hình thức giá hợp đồng trọn gói) hoặc hợp đồng mua bán hàng hóa (đối với hỗ trợ bằng hiện vật).

Điều 5. Tạm ứng vốn

1. Mức vốn tạm ứng

a) Đối với công việc thực hiện thông qua hợp đồng

Mức tạm ứng vốn tối đa bằng 30% phần ngân sách nhà nước hỗ trợ nhưng không vượt kế hoạch vốn ngân sách nhà nước bố trí hàng năm cho dự án. Trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) cho phép, nhưng không được tạm ứng quá

80% giá trị hợp đồng. Người quyết định mức tạm ứng chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình và quản lý việc sử dụng số vốn tạm ứng đúng quy định.

b) Đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng

- Tổng mức vốn tạm ứng trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư đảm bảo không vượt quá 30% dự toán chi phí cho khối lượng công việc thực hiện được duyệt. Trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư cho phép, nhưng không được tạm ứng quá 80% giá trị dự toán. Người quyết định mức tạm ứng chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình và quản lý việc sử dụng số vốn tạm ứng đúng quy định.

- Mức vốn tạm ứng đối với chi phí quản lý dự án không vượt quá dự toán chi phí quản lý dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hồ sơ tạm ứng vốn gồm (Mẫu biểu kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP)

a) Giấy đề nghị thanh toán: Theo Mẫu số 04.a/TT.

b) Chứng từ thanh toán: Theo Mẫu số 05/TT.

3. Thu hồi vốn tạm ứng

a) Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần do Ban quản lý xã thống nhất với Ban phát triển thôn, được quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng.

b) Đối với chi phí quản lý dự án: Ban quản lý xã lập bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký và đóng dấu của Ban quản lý xã) gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng. Ban quản lý xã không phải gửi chứng từ chi, hóa đơn mua sắm đến cơ quan kiểm soát, thanh toán và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt.

Điều 6. Thanh toán khối lượng hoàn thành

1. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng (Mẫu biểu kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP)

a) Giấy đề nghị thanh toán vốn: Mẫu số 04.a/TT.

b) Chứng từ chuyển tiền: Mẫu số 05/TT.

c) Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng: Mẫu số 04.b/TT kèm theo (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng).

d) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành: Mẫu số 03.a/TT.

đ) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh: Mẫu số 03.c/TT (đối với trường hợp phát sinh khối lượng).

e) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

2. Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng (Mẫu biểu kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP)

a) Giấy đề nghị thanh toán vốn: Mẫu số 04.a/TT.

b) Chứng từ chuyển tiền: Mẫu số 05/TT.

c) Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng: Mẫu số 04.b/TT kèm theo (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng).

d) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành: Mẫu số 03.a/TT.

đ) Bảng kê chứng từ thanh toán (chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm).

Điều 7. Quyết toán vốn đầu tư theo năm ngân sách (Quyết toán theo niên độ)

1. Đối với vốn ngân sách nhà nước, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến việc giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước lập báo cáo quyết toán theo niên độ khi kết thúc năm ngân sách.

2. Trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo năm ngân sách thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, Thông tư số 96/2021/TT-BTC và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ ngân sách đối với nguồn vốn đầu tư công thuộc ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 8. Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

1. Các dự án giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông khi hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách cấp xã quản lý. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thẩm tra, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

3. Lập báo cáo quyết toán, thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán; nội dung thẩm tra quyết toán; thời hạn quyết toán; chế độ báo cáo, kiểm tra và các nội dung có liên quan khác thực hiện theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP và Thông tư số 96/2021/TT-BTC.

4. Đối với công trình thực hiện theo hình thức nhà nước hỗ trợ bằng hiện vật

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các thủ tục nhận bàn giao, chuẩn bị mặt bằng, kho bãi để bảo quản hiện vật hỗ trợ, mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi riêng hiện vật được bàn giao.

b) Giá trị của hiện vật phải được quy đổi ra tiền và tổng hợp vào chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư trung hạn và hằng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định pháp luật về đầu tư công.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch

a) Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan trong việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo kinh phí từ ngân sách tỉnh theo quy định hiện hành; kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng và quyết toán vốn đầu tư.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý theo quy định; tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn hàng năm theo quy định; thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành (trường hợp, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị).

3. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện: Kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi đã có đủ điều kiện và đúng thời gian quy định của pháp luật hiện hành; đôn đốc chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng; thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

4. Trách nhiệm của Ban Dân tộc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới căn cứ chức năng, nhiệm vụ để phối hợp tổ chức thực hiện.

5. Trách nhiệm UBND huyện, thành phố

a) Thực hiện phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý; giao nhiệm vụ, chỉ đạo Phòng Kinh tế và Hạ tầng tổ chức thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã; thực hiện quy định chế độ thông tin báo cáo.

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện tại cấp xã.

6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo việc triển khai thực hiện các dự án giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình trên địa bàn xã theo cơ chế đặc thù; huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã tham gia thực hiện xây dựng công trình.

b) Tổ chức thẩm định, phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản; thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Phòng Kinh tế và Hạ tầng tổ chức thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành.

c) Thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí quản lý đầu tư xây dựng công trình.

d) Giao cho Ban phát triển thôn trực tiếp quản lý vận hành công trình xây dựng.

đ) Quyết định kế hoạch bảo trì và giao cho cộng đồng dân cư thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

7. Trách nhiệm của Ban quản lý cấp xã

a) Ban quản lý cấp xã trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản tại cơ quan Kho bạc Nhà nước và sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân xã trong hoạt động giao dịch với các tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

b) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; ký hợp đồng với Ban phát triển thôn để tổ chức thi công công trình, giám sát trong quá trình thi công, tổ chức nghiệm thu công trình; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức huy động sự đóng góp của nhân dân để thi công công trình. Tổng hợp theo dõi chi tiết các khoản nhân dân đóng góp xây dựng công trình.

c) Xây dựng kế hoạch bảo trì công trình xây dựng.

8. Trách nhiệm của Ban phát triển thôn

a) Lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định và phê duyệt. Trường hợp gặp khó khăn trong lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, Ban phát triển thôn có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

b) Tổ chức thi công công trình, phối hợp với Ban quản lý xã thực hiện giám sát và nghiệm thu công trình.

c) Trực tiếp quản lý vận hành khai thác công trình xây dựng.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Trong trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tế thì các huyện, thành phố báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.